TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 05/6/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng;

2. Bà Phạm Thị Thiện;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông **Huỳnh Minh Đức**

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 183/2019/TLST–HNST ngày 19/4/2019 về việc "***Tranh chấp ly hôn"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2019/QĐST-HN ngày 10/5/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Xuân T,** sinh năm 1996.

ĐKTT: Tổ 8, ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: LS. Lê Thị Hoàng N – Công ty Luật TNHH MTV L&C - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Hùng L,** sinh năm 1988.

ĐKTT: 123/46 C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà T trình bày:

Bà và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 20/8/2015. Sau khi kết hôn, bà và ông L lên Nhơn Trạch – Đồng Nai sinh sống và làm việc. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L hay ghen tuông thái quá với đồng nghiệp và những người quen biết với bà dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã. Mặc dù đã nhiều lần giải thích nhưng ông L không thay đổi và đỉnh điểm là trong một lần cãi vã, ông L đã đánh bà. Sau sự việc

đó, bà dọn về sống với mẹ và không có nói chuyện hoặc qua lại với ông L. Bà và ông L đã sống ly thân từ tháng 8/2016 đến nay, nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không muốn quay lại với nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà có đơn yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – Ông Nguyễn Hùng L: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà :

Ông L vắng mặt. Bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Không có.

Luật sư N phát biểu bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Bà T và ông L quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tuy nhiên quá trình hôn nhân của bà và ông L xảy ra nhiều bất đồng về quan điểm sống, ông L lại có tính hay ghen nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà T đã rời khỏi nhà, sống ly thân với ông L từ tháng 8/2016 đến nay, từ đó đến nay cả hai không có liên lạc hay biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Thời gian hai bên ly thân đã lâu, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau, không còn chung mục đích xây dựng gia đình. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông L để tạo điều kiện cho bà T yên tâm xây dựng cuộc sống mới, ổn định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, có ký nhận các văn bản tống đạt của Tòa án đầy đủ, nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông L là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà T và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân qua trình bày của nguyên đơn cho thấy: Do ông L có tính ghen tuông nên giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, dẫn đến bất hòa trong tình cảm. Bà T đã dọn về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân với ông L từ tháng 8/2016 và đến nay

cả hai không có biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm nào. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông L vẫn vắng mặt cho thấy ông không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với bà T. Điều này cho thấy mâu thuẫn của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Ngô Thị Xuân T** đối với ông **Nguyễn Hùng L.**

2/ *Về con chung*: Không có.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 000777 ngày 05/01/2019 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận N;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- UBND xã M1, huyện C, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HUỆ